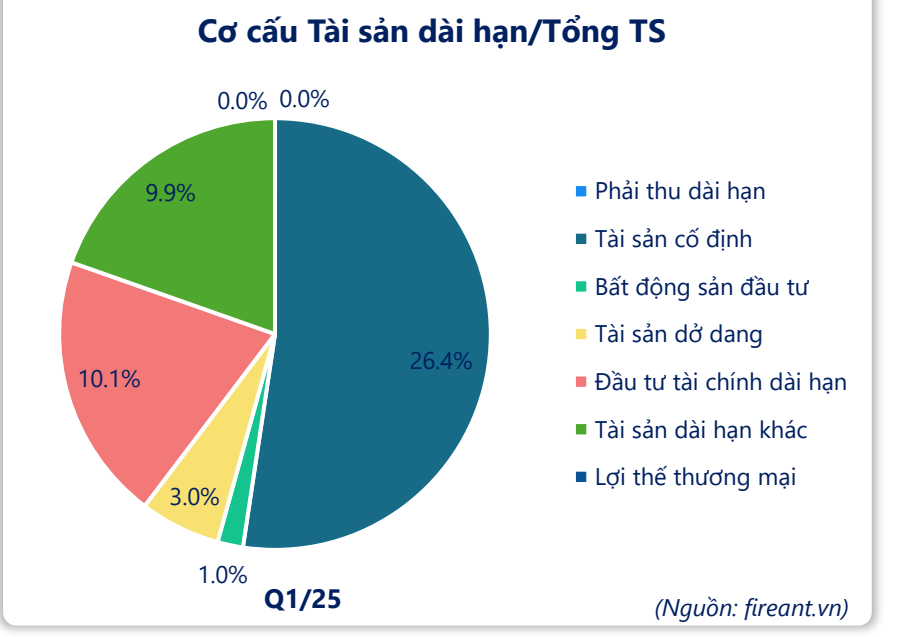
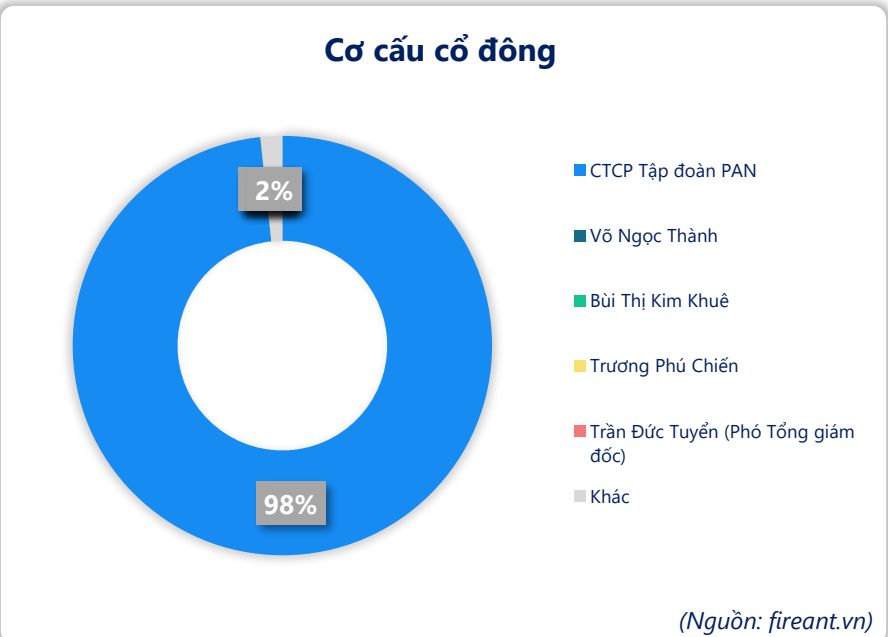
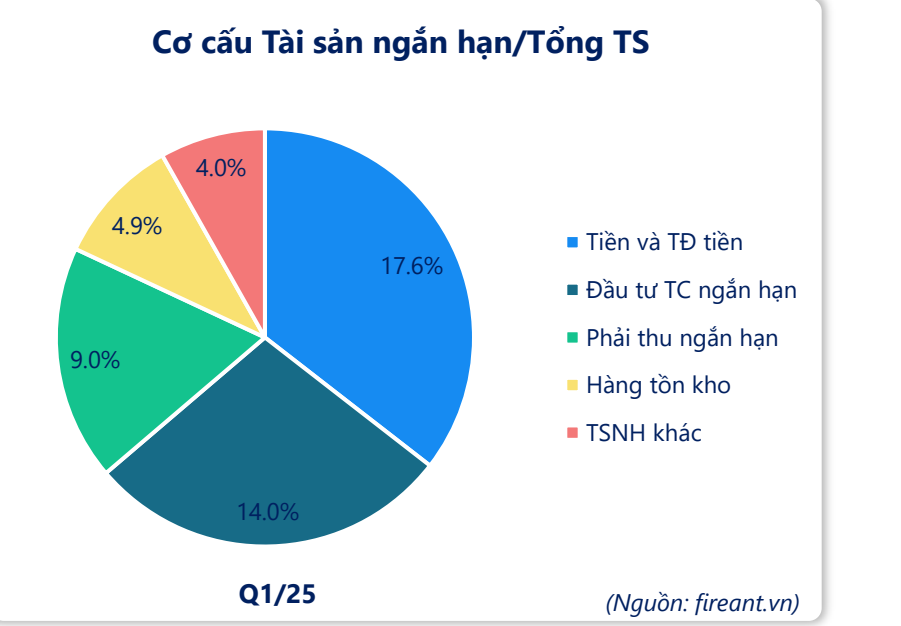
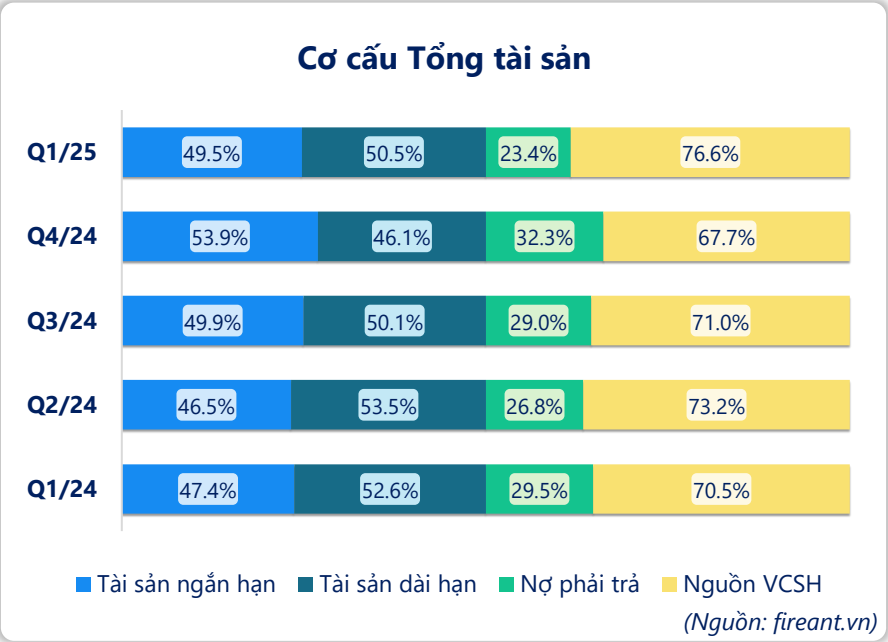
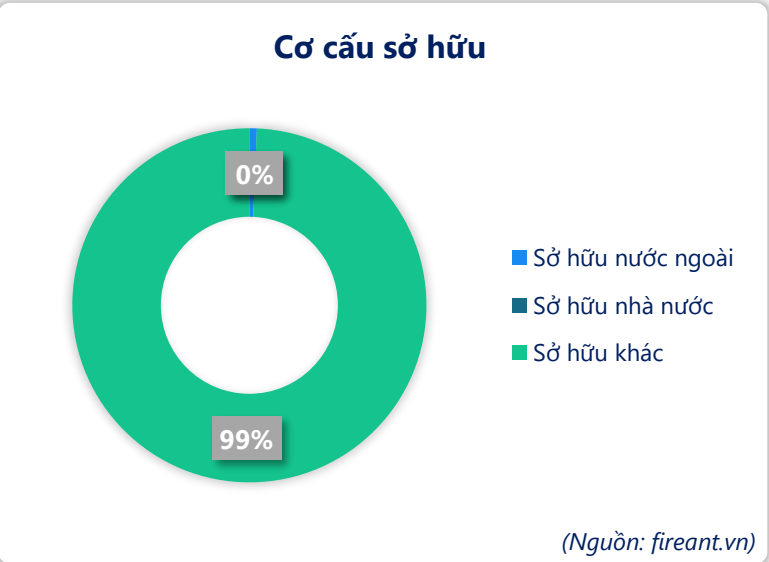
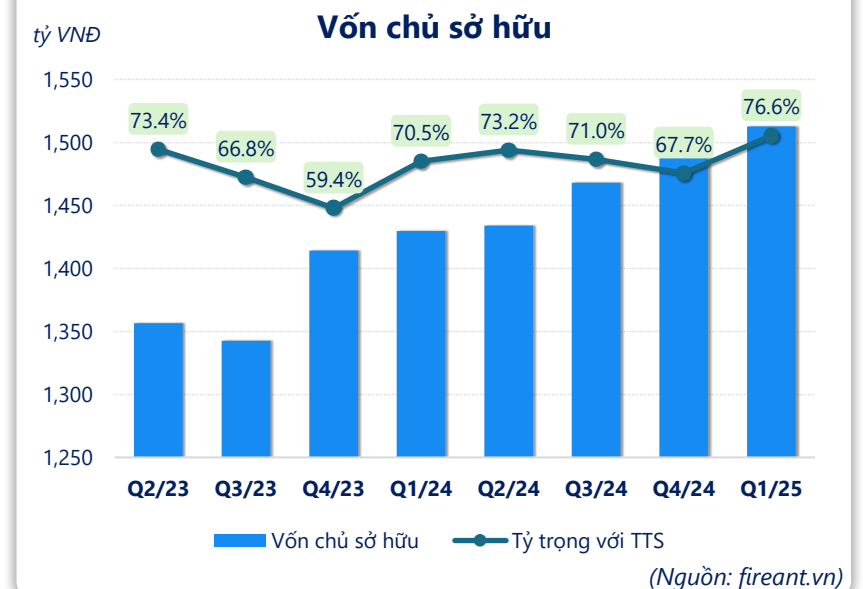
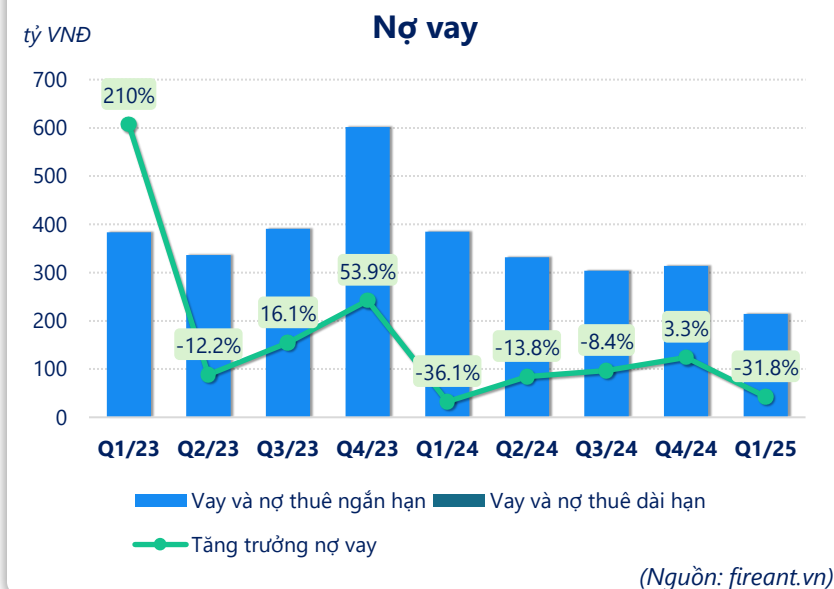
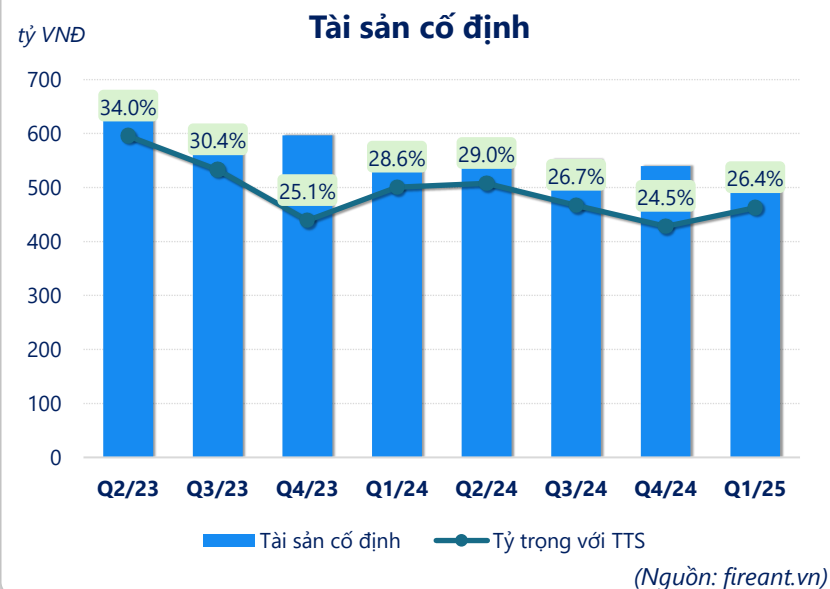
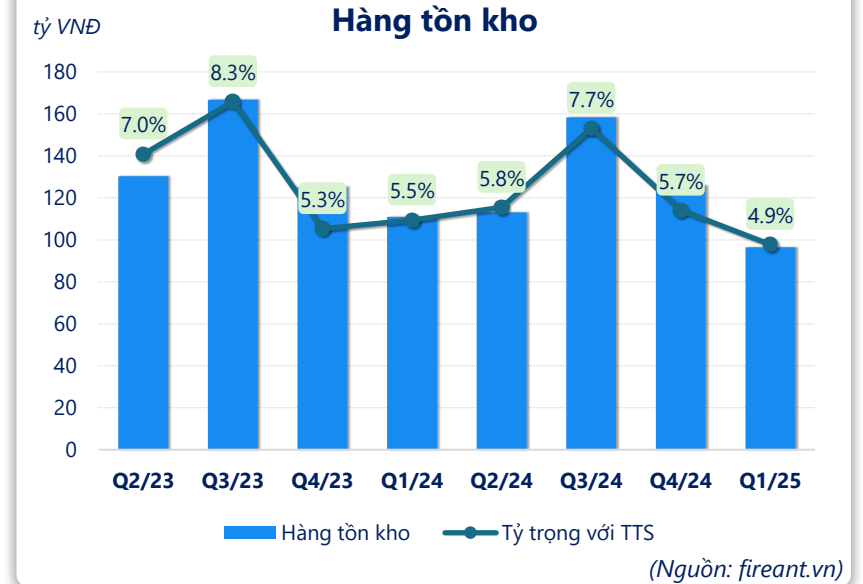
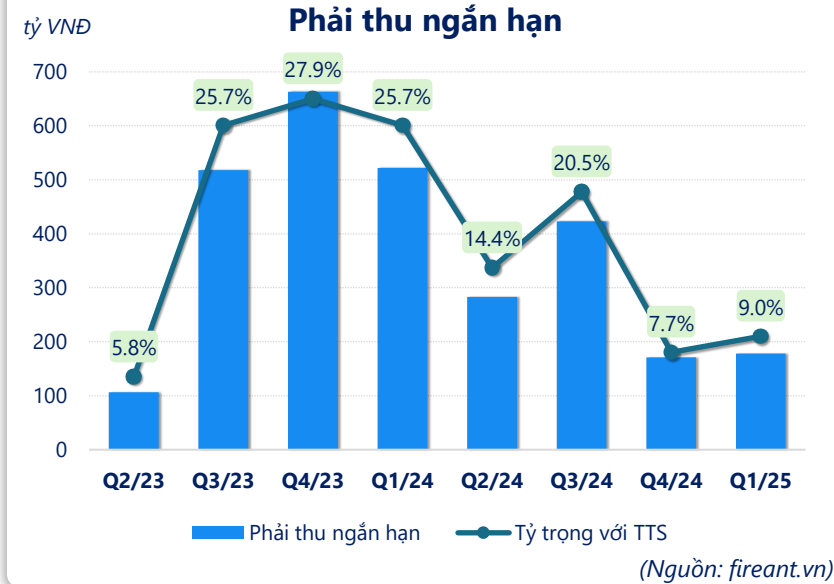
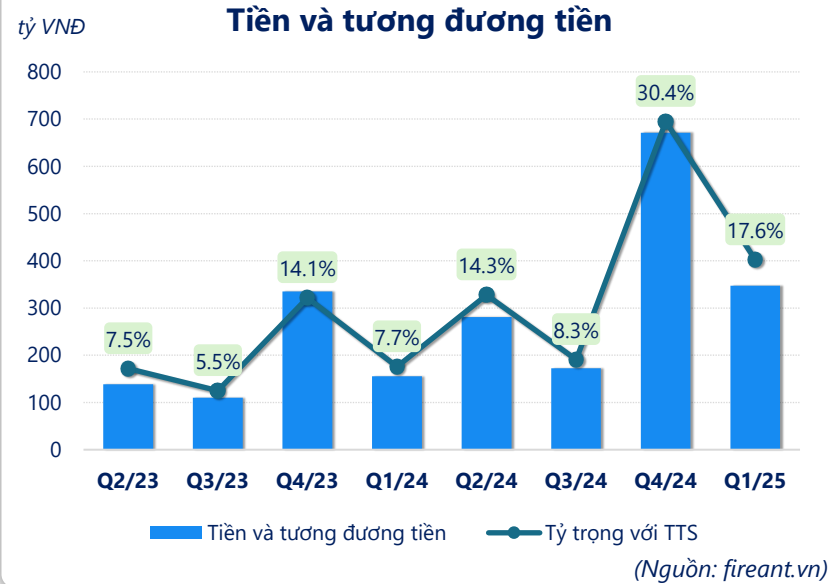
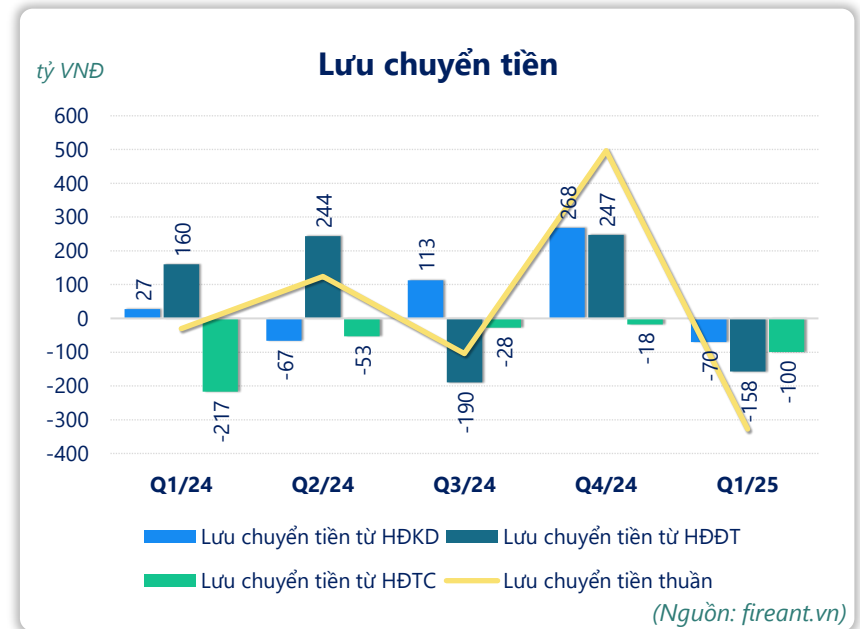
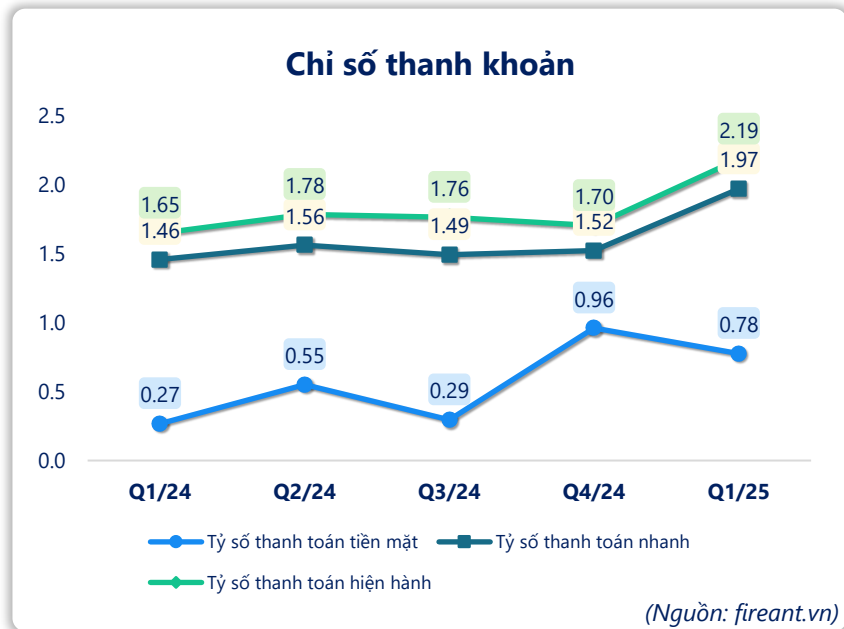
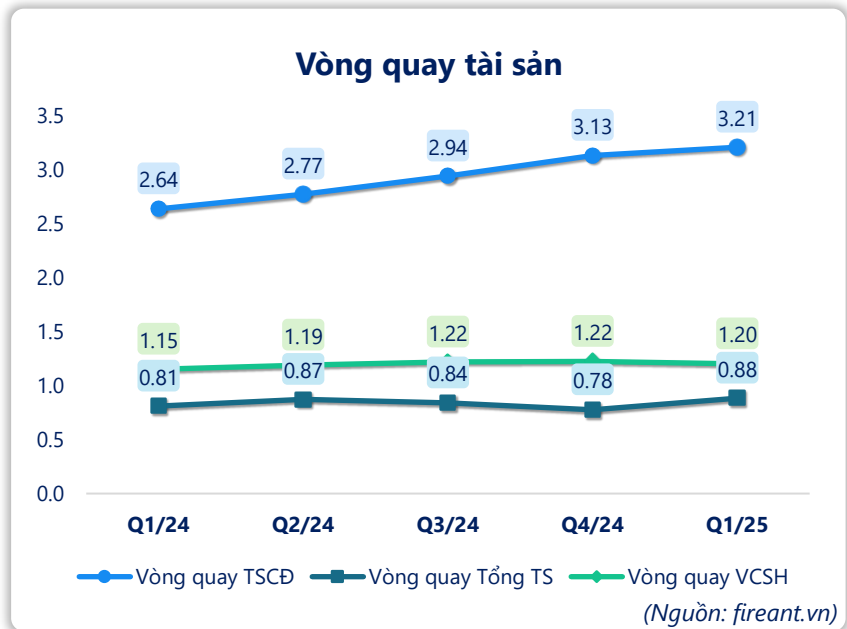
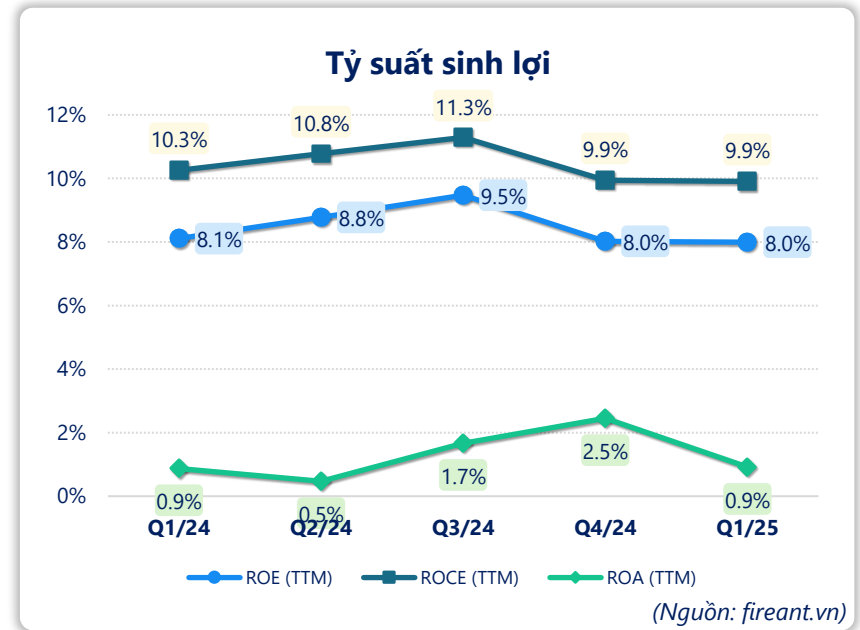
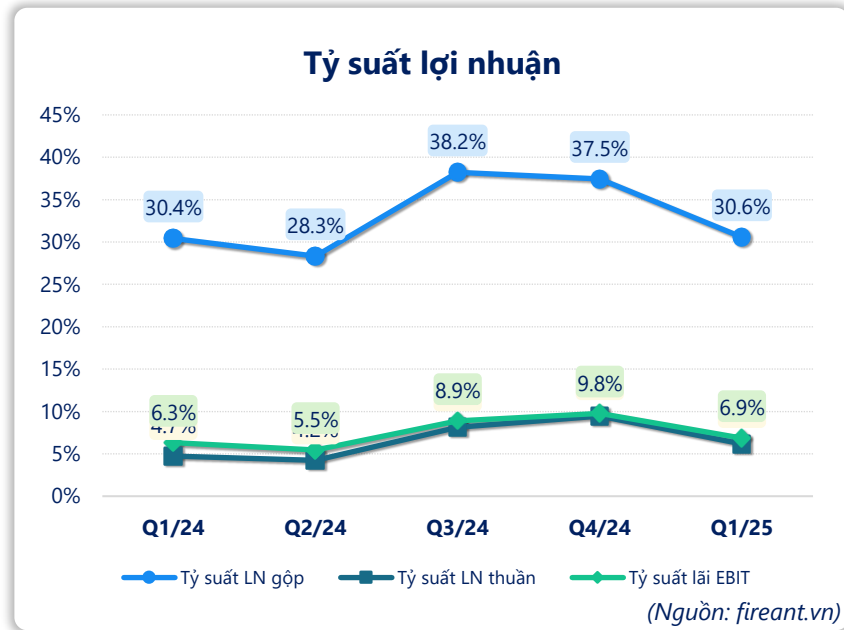
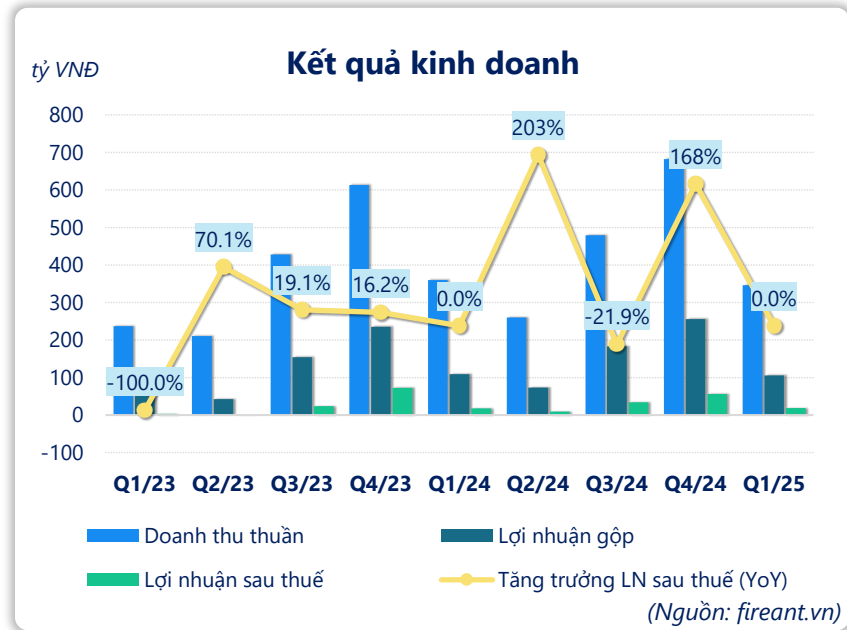


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		51,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		62,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		46,777
SL cổ phiếu LH		18,752,687
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,155
% sở hữu nước ngoài		0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		971
P/E		8.3
EPS		6,272

	YTD	1T	3T	6T
BBC	-3.5%	-16.9%	1.2%	0.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,974	2,190	-9.9%
Tài sản ngắn hạn	978	1,173	-16.7%
Tiền và tương đương tiền	347	673	-48.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	276	177	55.8%
Phải thu ngắn hạn	178	153	16.3%
Hàng tồn kho	96.5	122	-20.6%
Tài sản ngắn hạn khác	79.9	48.2	65.7%
Tài sản dài hạn	997	1,017	-2.0%
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	522	540	-3.3%
Bất động sản đầu tư	19.1	19.3	-1.0%
Tài sản dở dang	60.1	60.0	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	200	200	0.0%
Tài sản dài hạn khác	195	198	-1.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	461	695	-33.6%
Nợ ngắn hạn	447	681	-34.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	214	314	-31.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	50.4	121	-58.3%
Nợ dài hạn	14.0	13.6	3.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,513	1,496	1.1%
Vốn chủ sở hữu	1,513	1,496	1.1%
Vốn điều lệ	188	188	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	360	260	480	682	346
Giá vốn hàng bán	250	186	296	426	241
Lợi nhuận gộp	109	73.6	183	255	106
Doanh thu HĐTC	14.8	13.7	11.5	11.7	13.1
Chi phí TC	9.52	3.11	9.17	2.70	3.17
Chi phí lãi vay	5.29	3.00	3.69	2.48	2.43
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	78.4	54.4	124	173	73.8
Chi phí QLDN	19.2	18.8	22.6	26.8	20.7
LN thuần từ HĐKD	17.1	11.0	39.0	64.5	21.4
Lợi nhuận khác	0.34	0.18	-0.11	-0.35	-0.01
LN trước thuế	17.4	11.2	38.9	64.1	21.4
Lợi nhuận sau thuế	17.4	8.95	34.1	56.3	18.3
LNST của CĐ cty mẹ	17.4	8.95	34.1	56.3	18.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	27.1	-66.6	113	268	-70.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	160	244	-190	247	-158
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-217	-53.1	-27.8	-18.2	-99.8
Tiền đầu kỳ	183	156	281	173	673
Lưu chuyển tiền thuần	-30.0	124	-104	497	-328
Ảnh hưởng tỷ giá	2.51	1.17	0.95	-2.84	1.78
Tiền cuối kỳ	156	281	173	671	347

(Nguồn: fireant.vn)